

NHỚ VỀ TÒA SƠ THẨM SÀI GÒN

(HỒI KÝ CỦA MỘT THẨM PHÁN XỬ ÁN)



TP HOÀNG TUẤN LỘC

Nhân chuyện về thăm quê nhà cùng con cháu, ngay giữa trung tâm Sài Gòn, tấp nập người qua lại và với cảm giác như một người khách lạ lạc loài giữa quê hương, tôi chậm rãi đi đến Pháp Đình Sài Gòn. Nơi đây, 55 năm về trước, tôi đã từng làm việc mỗi ngày trong suốt gần 10 năm liên tục cho đến khi đi tản vì mất nước. Tôi tản ngần đứng ở sân Tòa, bùi ngùi thả hồn về dĩ vãng.

Sau khi rời trường Luật, tôi làm việc tại Ngân Hàng Quốc Gia một thời gian trước khi nộp đơn dự kỳ thi tuyển Tuy Viên Công Tố năm 1964 do Bộ Tư Pháp tổ chức. Đây là kỳ thi đầu tiên tuyển dụng Thẩm Phán ngành Tư Pháp của VNCH. Khi còn mài đũa quần ở Đại Học Luật Khoa, tôi hằng mơ ước tương lai sẽ được khoác chiếc áo toge đen của giới hành nghề phục vụ công lý. Vì vậy, dù đã có công việc vững chắc tại Ngân Hàng Quốc Gia, tôi vẫn không ngần ngại nộp đơn thi vào ngành thẩm phán. Kỳ thi tuyển Tuy Viên Công Tố năm 1964 gồm 2 phần: thi viết và vấn đáp. Phần thi viết vì sỹ tứ quá đông đảo nên Bộ Tư Pháp đã mượn giảng đường trường Luật để cho chúng tôi thi. Tôi không còn nhớ rõ đề bài thi viết, nhưng đại khái chúng tôi phải làm bài thi về Hình Sự Tố Tụng và về Luật Di Sản.

Tôi may mắn trúng tuyển kỳ thi viết cùng 14 thí sinh khác. Chúng tôi vào thi vấn đáp tại Bộ Tư Pháp. Giám khảo là các Chánh Thẩm của Tòa



Thượng Thẩm Sài Gòn. Chúng tôi được sát hạch khả năng hiểu biết về Hình Luật, Dân Luật và phê bình Án Lệ. Tất cả chúng tôi đều qua được kỳ thi vấn đáp và chỉ vài tuần lễ sau, chúng tôi được tuyển dụng. Vì tôi là công chức nên thủ tục hành chánh chuyên tôi từ Ngân Hành Quốc Gia về Bộ Tư Pháp rất đơn giản và dễ dàng.

Trước khi được bổ nhiệm đi các nhiệm sở khắp cả nước, chúng tôi phải qua một thời gian tập sự tại Tòa Sơ Thẩm Sài Gòn khoảng một năm. Chúng tôi lần lượt học việc tại phòng Biện Lý, Dự Thẩm và tập viết án văn tại phòng Chánh Án. Tôi được bổ nhiệm làm Dự Thẩm kiêm Chánh Án Tòa Lao Động ở Đà Nẵng một thời gian trước khi về làm Thẩm Phán Xử Án tại Tòa Sơ Thẩm Sài Gòn. Tôi đã làm việc liên tục tại đây suốt gần 10 năm trời cho đến ngày ra đi khỏi Việt Nam.

Là Thẩm Phán Xử Án tại Tòa Sài Gòn, tôi được phân công làm Chánh Án hai phiên tòa hình sự và hai phiên tòa dân sự mỗi tuần. Hồi thập niên 60, quản hạt Tòa Sơ Thẩm Sài Gòn bao gồm địa phận đô thành Sài Gòn, Chợ Lớn và tỉnh Gia Định nên công việc rất nhiều. Mỗi phiên xử về hình sự thường gồm có từ 30 đến 40 vụ, nhiều nhất là các phiên xử về quả tang và trực tố. Các vụ quả tang là những hồ sơ do các Ty Cảnh Sát bắt giữ những nghi can đang phạm pháp và lập biên bản giải tòa. Hồ sơ trực tố thì do các cá nhân nhờ Thừa Phát Lại lập biên bản và xin Biện Lý Cuộc truy tố. Hồ sơ trực tố nhiều nhất ở tòa Sài Gòn là các vụ xây cất bất hợp pháp, giựt hụi,

mạ ly hay phỉ báng bằng báo chí v.v... Ngoài ra, còn các phiên xử Thẩm Vấn, xét xử những vụ án do các phòng Dự Thẩm của Tòa Sài Gòn đã điều tra xong và gửi qua. Các phiên tòa Dân Sự thường gồm từ 20 đến 30 vụ kiện về vi phạm khế ước, tranh chấp về tài sản, bồi thường thiệt hại v.v... Trong các phiên xử khẩn cấp, Chánh Án các vụ kiện dân sự có thể ra Án Lệnh Khẩn Cấp hay Án Lệnh Sai Áp nếu cần thiết, trước khi phán xử về chính vụ.

Các phiên tòa Hình Sự thường kéo dài từ 9 giờ sáng đến 2 giờ chiều, vì cần có nhiều thời gian để hỏi cung bị cáo, nghe lời khai dân sự nguyên cáo, Công Tố Viên buộc tội và Luật Sư biện hộ. Nhưng các phiên tòa Dân Sự thì thời gian ngồi tòa rất ngắn vì các vấn đề pháp lý của vụ kiện đã được luật sư trình bày bằng lý đoán trong hồ sơ. Chánh Án phiên tòa chỉ tuyên đọc bản án tại phiên xử mà thôi, không cần phải nghe tranh luận nữa. Khác với bản án dân sự, tại phiên tòa hình sự, sau khi nghe Công Tố Viên buộc tội và Luật Sư biện hộ xong, Chánh Án tuyên bố quyết định của mình ngay. Nếu bản án hình sự bị kháng cáo, Chánh Án mới phải viết bản án văn trình bày quan điểm pháp lý của mình, hầu Tòa Thượng Thẩm sẽ căn cứ vào đó để tái xét. Khác với hệ thống tư pháp Hoa Kỳ, Chánh Án tòa hình sự của VNCH có thẩm quyền truyền bị can đã bị tuyên hình phạt, phải bồi thường thiệt hại cho nguyên cáo. Cũng khác hẳn với Chánh Án Hoa Kỳ, các Chánh Án VNCH không bao giờ tuyên giảng đạo lý hay nói lời trách cứ với bị can trước khi tuyên án như các Chánh Án Mỹ thường làm.

Ngoài 4 phiên tòa chính thức kể trên, mỗi tuần vào 2 buổi chiều, chúng tôi phải ngồi phiên tòa thời gian khoảng 1 giờ, để xác nhận trát giam. Trong các vụ quả tang, Biện Lý thường ra trát giam bị can vào khám Chí Hòa để chờ ngày ra tòa lãnh án. Vì trát giam chỉ có giá trị trong thời gian rất ngắn mà ngày ra tòa khá lâu, nên các trát giam này phải được Chánh Án xác nhận tại một phiên tòa. Sau khi đọc hồ sơ do cảnh sát lập, Chánh Án có thể quyết định y trát giam của Biện Lý hay cho bị can được tại ngoại hầu tra để chờ ngày xét xử.

Vì công việc quá nhiều nên Tòa Sơ Thẩm Sài Gòn đã lập ra hai phiên tòa riêng biệt: phiên xử thiếu nhi phạm pháp và phiên xử về ly hôn. Các thiếu nhi phạm pháp được xét xử trong một phiên tòa chỉ dành riêng cho vị thành niên mà thôi. Hình



Từ trái: Ls Đỗ Xuân Hiệp, Ls Nguyễn Vạn Bình, TP Hoàng Tuấn Lộc và Ls Võ Văn Dinh

phạt đối với thiếu nhi là bị gởi vào Trung Tâm Cải Huấn Thiếu Nhi, nặng nhất là giam giữ cho đến tuổi trưởng thành. Trong các vụ kiện ly hôn, Chánh Án phiên xử phải hai lần hòa giải vợ chồng xin ly hôn, hòa giải bất thành mới xét đơn ly hôn. Vì vậy mà các vụ kiện ly hôn thường kéo rất lâu. Vì thẩm quyền quản hạt của Tòa Sơ Thẩm Sài Gòn quá rộng và dân số quá đông, nên hồ sơ ly dị rất nhiều mà chỉ có một thẩm phán phụ trách nên một vụ kiện thường kéo dài từ 2 đến 3 năm mới xong. Mãi đến năm 1973, bộ Dân Luật VNCH được ban hành, cho phép đôi vợ chồng được thuận tình ly hôn thì các hồ sơ ly dị mới được giải quyết nhanh hơn nhiều. Các vợ chồng trẻ nộp đơn ly hôn, vì muốn được giải quyết sớm để còn làm lại cuộc đời, đã chuyển qua thủ tục thuận tình ly hôn, đồng ý phân chia tài sản và con cái với nhau từ trước, nên khi nộp đơn ra Tòa, chỉ vài tháng là xong. Vì vậy, mà mấy ngàn hồ sơ còn tồn đọng, chỉ khoảng thời gian hơn một năm đã thanh toán gần hết.

Nhân đề cập đến bộ Dân Luật 1973, tôi cũng nêu ra đây vấn đề các bộ luật được áp dụng tại VN. Tuy nước VNCH được thành lập từ 1954, nhưng nền Tư Pháp VNCH vẫn tiếp tục dùng các bộ luật để lại từ thời Pháp thuộc. Các tòa án VNCH vẫn tiếp tục áp dụng các điều luật của các bộ Dân Luật, Hình Luật và Hình Sự Tố Tụng của Pháp. Quốc Hội của hai nền Cộng Hòa vẫn không soạn thảo một bộ luật nào, ngoài bộ Luật Gia Đình 1959 được ban hành với mục đích duy nhất là ngăn cấm ly hôn đã bị bãi bỏ vào năm 1963. Mãi đến năm 1973, bộ Tư Pháp và một phái đoàn thẩm phán xử án do Tối Cao Pháp Viện bổ nhiệm, cùng nhau soạn thảo 3 bộ Hình Luật,

Dân Luật, Hình Sự Tố Tụng và được Tổng Thống ban hành bằng một sắc luật đặc biệt. Tôi được may mắn tham gia phái đoàn thẩm phán xử án trong việc soạn thảo 3 bộ luật này tại Dinh Gia Long. Nhờ tham gia việc soạn thảo các điều khoản của bộ luật này, năm 1974 tôi xuất bản cuốn Hình Sự Tố Tụng Chú Giải mà tôi và TP Đào Minh Lương cùng soạn thảo để góp phần nghiên cứu của mình vào văn khố tư pháp của VNCH.

Vào năm 1972, tôi được lãnh nhiệm vụ làm chánh án xét xử các vụ kiện ly hôn, nên được chứng kiến nhiều cảnh đau lòng của những gia đình tan vỡ mà nạn nhân đáng thương nhất là những đứa trẻ còn non dại. Năm mươi năm qua rồi, nhưng tôi còn nhớ một vụ kiện ly hôn mà tôi đã suy nghĩ nhiều vì có sự giằng co giữa lương tâm và luật pháp ở trong tôi. Theo hồ sơ vụ kiện thì đôi vợ chồng trẻ sống với nhau có được 2 con, người chồng làm tư chức, người vợ làm sở Mỹ. Người vợ ngoại tình với một thanh niên Mỹ làm cùng cơ quan. Người vợ có thai và sinh ra đứa con thứ 3 được lập khai sinh là con của hai vợ chồng. Khi đứa con càng lớn thì ngoại hình thấy rõ là một đứa con lai: da trắng, tóc vàng, mắt xanh. Người chồng nộp đơn xin ly hôn vì vợ ngoại tình. Người vợ thú nhận sự ngoại tình, bằng lòng ly hôn lỗi về phần mình chỉ xin được nuôi giữ đứa con lai. Người chồng không đồng ý, xin Tòa cho nuôi giữ cả 3 đứa con, viện dẫn điều luật “con sinh ra trong thời kỳ hôn thú là con chung chính thức của 2 vợ chồng”. Nay ly hôn lỗi về người vợ thì người chồng có quyền nuôi con. Hồi thập niên 70, DNA chưa được khám phá nên sự truy tầm phụ hệ rất khó khăn. Trong vụ này, về phương diện pháp lý thì luận cứ của người chồng rất chính xác, nhưng về tình lý thì ai cũng biết là người chồng cố tình làm vậy để trả thù người vợ. Nạn nhân đáng thương nhất là đứa bé chỉ vừa tròn 3 tuổi. Là Chánh Án xét xử, tôi phải quyết định như thế nào? Giao con cho người vợ thì trái với luật định, mà giao con cho người chồng thì trái với lương tâm. Vì xót thương cho thân phận của đứa bé còn non dại, tôi đành phải bỏ qua vấn đề pháp lý, tuyên án ly hôn lỗi về người vợ và căn cứ vào ngoại hình của đứa trẻ mà suy đoán được rằng người chồng chắc chắn không phải là cha ruột của đứa bé nên truyền giao đứa bé cho người mẹ nuôi giữ, Tuyên án xong, tôi thấy lòng mình nhẹ nhõm, mặc dù biết rằng mình đã xử không đúng luật, chỉ

thấy mình không thẹn với lương tâm. Một kỷ niệm khác trong đời xử án mà tôi không quên được là trong một phiên xử hình sự, khi đang ngồi nghe luật sư biện hộ thì một cơn đau kinh khủng ập đến trong thân thể, tôi không thể tiếp tục phiên tòa và anh Biện Lý đã đưa tôi gấp vào bệnh viện St Paul để được giải phẫu ngay căn bệnh đau ruột thừa cấp tính, tôi không kịp cởi chiếc áo togue đang mặc trên người.

Làm thẩm phán xử án tại Tòa Sơ Thẩm Sài Gòn, tôi đã có rất nhiều cơ hội thưởng thức tài hùng biện của các luật sư nổi tiếng nhất VN. Tôi cũng có rất nhiều dịp được chứng kiến tài năng của các giáo sư trường Luật, những ông thầy cũ của mình, tranh luận trong phiên tòa của mình với tư cách luật sư biện hộ cho thân chủ.

Trong bối cảnh này, tôi vẫn có cảm giác của một sinh viên Luật đang ngồi nghe giáo sư thuyết giảng, vì cái hình ảnh quen thuộc của ông thầy mình.

Vì cùng làm việc với nhau trong một môi trường quan hệ giữa thẩm phán xử án và luật sư rất là tương thân tương kính. Chúng tôi kính trọng lẫn nhau và đối xử với nhau vô cùng lễ phép. Làm thẩm phán tại tòa án Sài Gòn, tôi có nhiều cơ hội gặp lại bạn bè đồng trang lứa tại trường Luật nên có được một nơi làm việc rất vui vẻ.

Làm công việc xử án, tôi hay có tâm tư là những quyết định của mình thường gây hậu quả là có những người vui thì cũng có nhiều người buồn. Mỗi khi chấm dứt phiên tòa, nhất là những phiên tòa hình sự, trên đường về nhà, lòng tôi lúc nào cũng có chút ngậm ngùi cho số phận những người phạm pháp vừa lãnh án tù giam, vì tôi cũng quan niệm như mọi người là: “nhất nhật tại tù thiên thu tại ngoại”. Tôi vẫn tin theo lý thuyết Khổng Giáo là “nhân chi sơ, tính bản thiện” con người được sinh ra, không ai muốn làm điều bất lương, nhưng chỉ vì thiếu suy nghĩ nên trong một phút lỡ lầm mà gây nên thiệt hại cho bản thân, tha nhân và xã hội.

Tôi viết ra đây những điều tôi đã trải qua trong cuộc đời làm thẩm phán xử án khi còn trong tuổi thanh xuân. Ngày nay, mái tóc đã bạc trắng cả rồi, tuổi đời đã khá lớn, sức khỏe đã mỗi mòn, chiều chiều tôi thường hay ra bờ biển, ngồi nhìn về chân trời xa xăm phía bên kia bờ Thái Bình Dương, để nhớ về một Tòa Sơ Thẩm Sài Gòn của ngày xưa thân ái./. **HOÀNG TUẤN LỘC Ngày 30-4-2020**